

TCT CP KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ (HOSE: PVD) – CẬP NHẬT KQKD Q3 - 2024

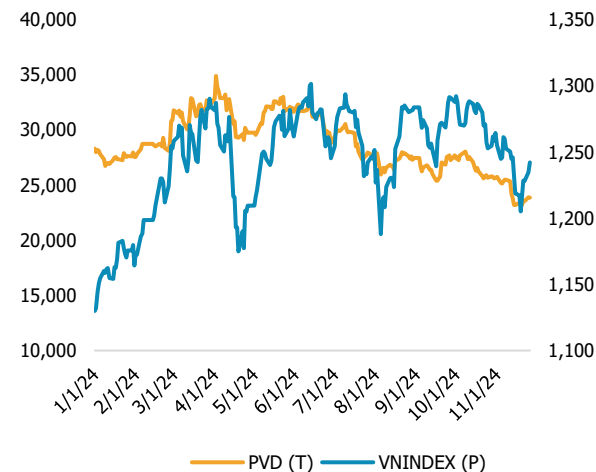
Ngành

DẦU KHÍ

Chỉ tiêu chính (tỷ đồng)

| | 2023 | 2024F |
|------------------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần | 5,812 | 7,902 |
| Lợi nhuận gộp | 1,301 | 1,596 |
| EBITDA | 1,764 | 1,911 |
| LN ròng | 541 | 701 |
| Biên EBITDA | 30.36% | 24.18% |
| EPS (VND) | 902 | 1,165 |
| BVPS (VND) | 26,347 | 27,687 |
| ROE | 3.65% | 4.41% |
| ROA | 2.50% | 2.99% |

Diễn biến giá cổ phiếu



Danh sách cổ đông (cập nhật đến 30/06/2024)

| | |
|---|--------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 50.41% |
| Ctbc Vietnam Equity Fund | 4.95% |
| Norges Bank | 1.62% |
| Hanoi Investments Holdings Limited | 1.46% |
| DC Developing Markets Strategies Public Limited Company | 1.24% |

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Nguyễn Minh Quang

quangnm@psi.vn

Nguyễn Phúc Thái An

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN TỪ ĐẦU TƯ GIÀN KHOAN MỚI

Trong quý 3/2024, doanh thu thuần và LNST ghi nhận của PVD đạt lần lượt 2,438 tỷ đồng (+76.5%YoY) và 180 tỷ đồng (+35.2% YoY), nguyên nhân do: (i) Tăng trưởng đơn giá cho thuê giàn khoan và hiệu suất các giàn khoan JU đạt 100%; (ii) Hai giàn khoan thuê ngoài không chỉ đem lại doanh thu ở mảng dịch vụ khoan mà còn tạo ra thêm doanh thu tại mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.

Biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp ghi nhận giảm. Biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp là 18.4%, giảm so với mức 21% so với cùng kỳ. Trong đó, biên lợi nhuận gộp từ dịch vụ kỹ thuật giếng khoan giảm từ 28% xuống 21%.

Lạc quan về triển vọng dài hạn. Dự báo tới 2025, tăng trưởng nhu cầu khoan dầu tại các thị trường Malaysia, Indonesia, Thái Lan, cùng với nguồn cung giàn khoan thắt chặt sẽ là động lực giúp cho thị trường giàn khoan tự nâng tại Đông Nam Á phát triển, tạo điều kiện cho PVD ký kết các hợp đồng với giá cho thuê giàn cao. Tại thị trường trong nước, PVN thông báo dự án Lô B - Ô Môn đã chính thức khởi công xây dựng, hàm ý FID đối với đại dự án sắp được chính thức thông qua.

Kỳ vọng tối đa hoá hiệu suất các giàn khoan. Các giàn khoan của PVD đều đã có việc làm tới hết 2025 (trừ giàn 11), một số giàn khoan đã có việc trong dài hạn. Lợi thế cạnh tranh về độ tuổi trung bình các giàn khoan kỳ vọng sẽ giúp PVD thu hút được nhiều hợp đồng từ các dự án nội địa và quốc tế.

Kế hoạch đầu tư thêm giàn khoan vẫn đang được tiến hành. PVD chưa tiến hành đầu tư giàn mới ngay vì các áp lực ngắn hạn trên thị trường khi Saudi Aramco đưa nhiều giàn khoan tự nâng ra thị trường, có thể khiến giảm giá giàn JU. Tuy nhiên, PVD cho biết vẫn sẽ giữ kế hoạch đầu tư vào 1-2 giàn khoan tự nâng trong giai đoạn 2025-2026, doanh nghiệp kỳ vọng điều kiện thị trường sẽ khả quan hơn khi lượng giàn khoan dư thừa trên thị trường đạt đỉnh trong tháng 9/2024.

Định giá

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PVD, giá mục tiêu 12 tháng là **29,900 đồng/cổ phiếu**.

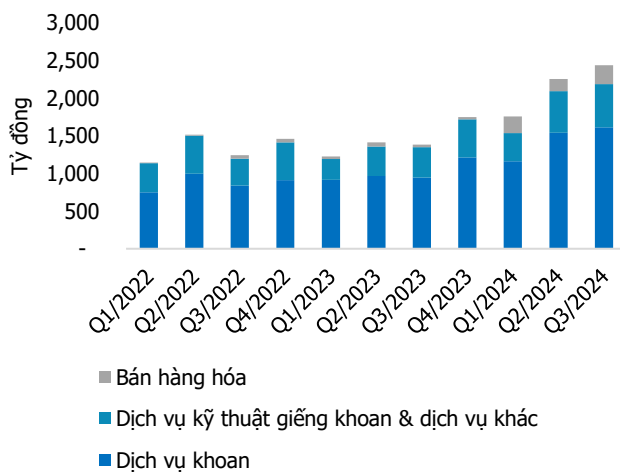
1. Cập nhật KQKD quý 3/2024

PVD ghi nhận doanh thu trong quý 3/2024 đạt 2,438 tỷ đồng (+76.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 179.7 tỷ đồng (+35.2% YoY). Lũy kế 9T2024, tổng doanh thu của PVD đạt 6,480 tỷ đồng (+60.5% YoY) và LNST đạt 460 tỷ đồng (+33.9% YoY). Theo đó, PVD lần lượt hoàn thành 104% và 121% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận ĐHCĐ đã đề ra trước đó. Kết quả kinh doanh tích cực nhờ:

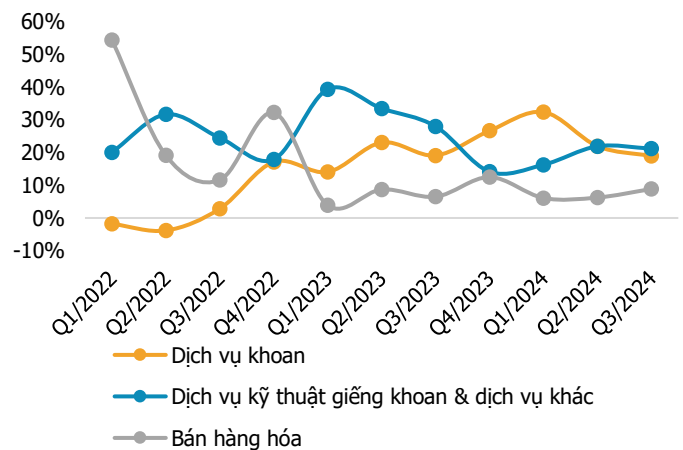
- (i) Tăng trưởng đơn giá cho thuê giàn khoan và hiệu suất các giàn khoan JU đạt 100%;
- (ii) Hai giàn khoan thuê ngoài để hoạt động tại Việt Nam không chỉ đem lại doanh thu ở mảng dịch vụ khoan mà còn tạo ra thêm doanh thu tại mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan khi các giàn khoan này nằm rất gần trụ sở của PVD tại tỉnh Vũng Tàu.

Biên lợi nhuận gộp của PVD trong kỳ là 18.4%, giảm so với mức 21% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp từ dịch vụ kỹ thuật giếng khoan giảm từ 28% xuống 21%. Mảng dịch vụ khoan cũng ghi nhận sự suy giảm nhẹ ở biên lợi nhuận gộp do các giàn khoan thuê có mức lợi nhuận khá mỏng.

Cơ cấu doanh thu PVD hàng quý



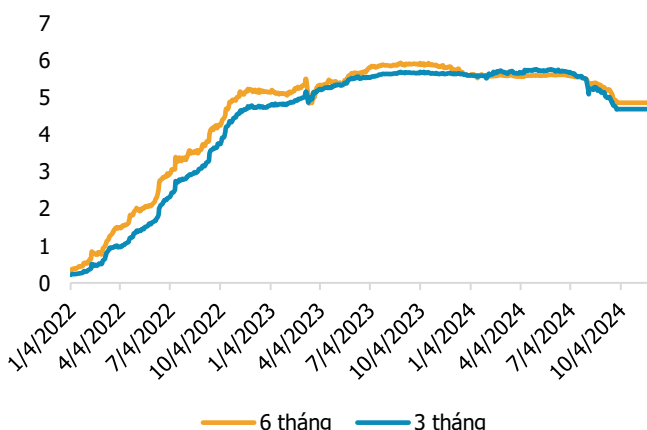
Biên lợi nhuận gộp các mảng hoạt động của PVD



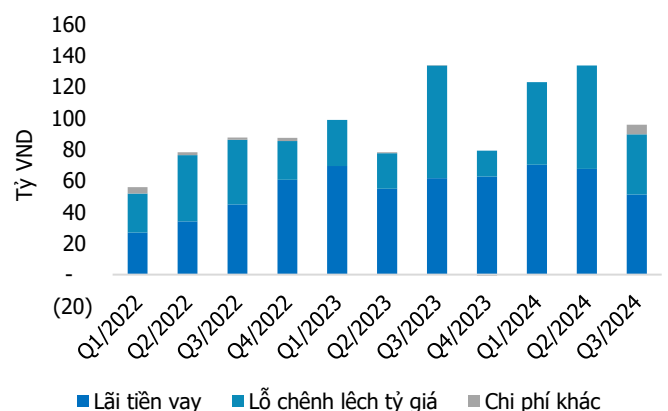
Nguồn: BCTC PVD, PSI tổng hợp

Chi phí tài chính trong kỳ ở mức thấp, giảm áp lực cho doanh nghiệp. Trong quý 3/2024, PVD chỉ ghi nhận lỗ ròng tài chính là 47 tỷ, thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ và 2 quý đầu năm khi tỷ giá hạ nhiệt. Trong đó, chi phí lãi vay trong kỳ của PVD là 51.1 tỷ đồng (-17% YoY, -24.8% QoQ) do LIBOR giảm. Về phần chênh lệch tỷ giá, mức lỗ tỷ giá giảm mạnh còn 38.5 tỷ đồng (-46.5% YoY, -42.5% QoQ) do tỷ giá đã hạ nhiệt từ cuối quý 2/2024.

LIBOR các kỳ hạn



Chi phí tài chính của PVD



Nguồn: Bloomberg, BCTC PVD, PSI tổng hợp

2. Triển vọng ngành khoan dầu khí

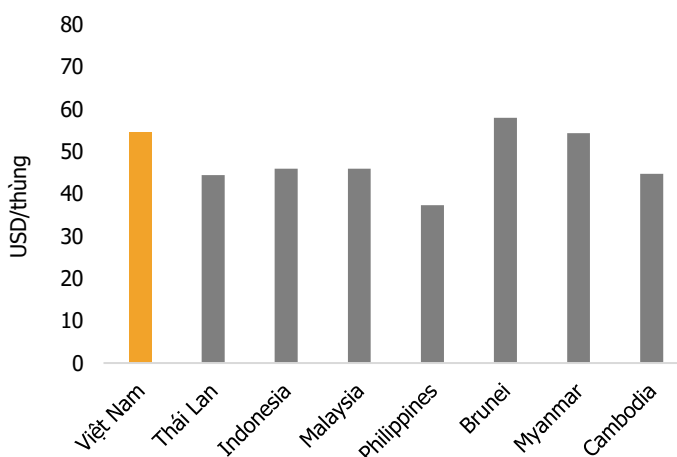
Trong quý 3/2024, giá dầu thô trung bình lần lượt giảm về mức 79 USD/thùng đối với dầu Brent và 75 USD/thùng đối với dầu WTI. Nguyên nhân cho việc giá dầu thô giảm đến từ tình trạng thắt chặt nhu cầu dầu thô toàn cầu, đặc biệt tại Trung Quốc - đất nước có đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng tiêu thụ dầu. Ngoài ra, việc Libya khởi động lại nguồn cung dầu khi khủng hoảng ngân hàng trung ương giảm bớt, và sản lượng dầu tại Nga ghi nhận tăng 10% trong nửa đầu tháng 9 bất chấp lệnh cấm xuất khẩu các sản phẩm dầu mỏ đã góp phần khiến cho nguồn cung dầu thô dư thừa.

Dự báo trong năm 2025, giá dầu sẽ hồi phục tuy nhiên chỉ dao động quanh mức 70 – 80 USD/ thùng. Đây vẫn sẽ là cơ hội phát triển hoạt động của các dự án khai thác dầu khí tại Đông Nam Á bởi điểm hoà vốn của các dự án trong khu vực này chỉ trong khoảng 50 – 60 USD/thùng.

Dự báo giá dầu của một số tổ chức

| Tổ chức | Ngày cập nhật | Q4 24 | Q1 25 | Q2 25 | Q3 25 | Q4 25 | 2025 |
|-------------------------------|---------------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
| JPMorgan Chase & Co | 10/11/24 | 80 | 82 | 77 | 73 | 69 | 75 |
| Morgan Stanley | 10/08/24 | 80 | 77.5 | 75 | 72.5 | 70 | 74 |
| Goldman Sachs Group, Inc. | 10/07/24 | 77 | 77 | 76 | 75 | 75 | 76 |
| Bank of America Merrill Lynch | 10/07/24 | 74 | 74 | 76 | 76 | 74 | 75 |
| RBC | 10/07/24 | 76 | 74 | 73 | 72 | 71 | 73 |
| Deutsche Bank AG | 10/01/24 | 77 | 70 | 70 | 65 | 60 | 66 |
| HSBC Holdings PLC | 09/30/24 | 73 | 70 | 76.5 | 76.5 | 76.5 | 75 |
| Trung bình | | 77 | 75 | 75 | 73 | 71 | 74 |

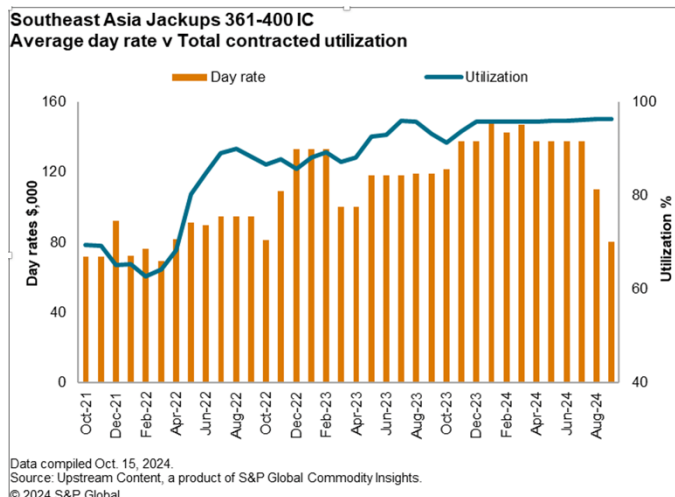
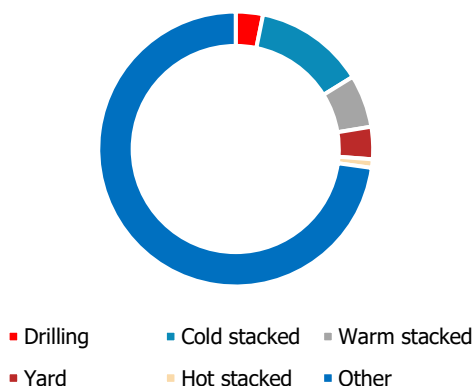
Điểm hòa vốn tại một số quốc gia Đông Nam Á



Nguồn: Bloomberg, IHS Markit, PSI tổng hợp

Thị trường giàn khoan tự nâng trên toàn cầu tính đến Quý 3/2024 có tổng số giàn khoan là 500 giàn, tuy nhiên, chỉ có 364 giàn khoan có hợp đồng làm việc, với hiệu suất đạt 73%. Tháng 9/2024, thị trường giàn khoan tự nâng tại Đông Nam Á chứng kiến sự ảm đạm với tình trạng dư cung giàn khoan đạt đỉnh, lên tới 9 giàn. Giá cho thuê giàn khoan tại Đông Nam Á cũng bị ảnh hưởng sau thông tin Saudi Aramco huỷ dự án phát triển mỏ dầu khí trị giá 10 tỷ USD khiến các giàn khoan phải dịch chuyển sang khu vực khác, và hợp đồng cho thuê giàn khoan với giá thấp giữa COSLSeeker và PTTEP Thái Lan, đẩy giá cho thuê xuống dao động chỉ tại mức 72,000 – 88,000 USD/ngày.

Tình trạng các giàn khoan tự nâng trên toàn cầu



Nguồn: PVD, S&P Global, PSI tổng hợp

Lạc quan về triển vọng dài hạn. S&P Global dự báo trong giai đoạn 2025 - 2026, nhu cầu cho các giàn khoan tự nâng toàn cầu sẽ được cải thiện tích cực bởi tình trạng dư thừa nguồn cung sẽ giảm bớt. Tại Đông Nam Á, thị trường giàn khoan tự nâng (JU) được kỳ vọng sẽ duy trì lạc quan hơn đến từ các dự án khoan dầu tại khu vực này, nổi bật có thể kể đến:

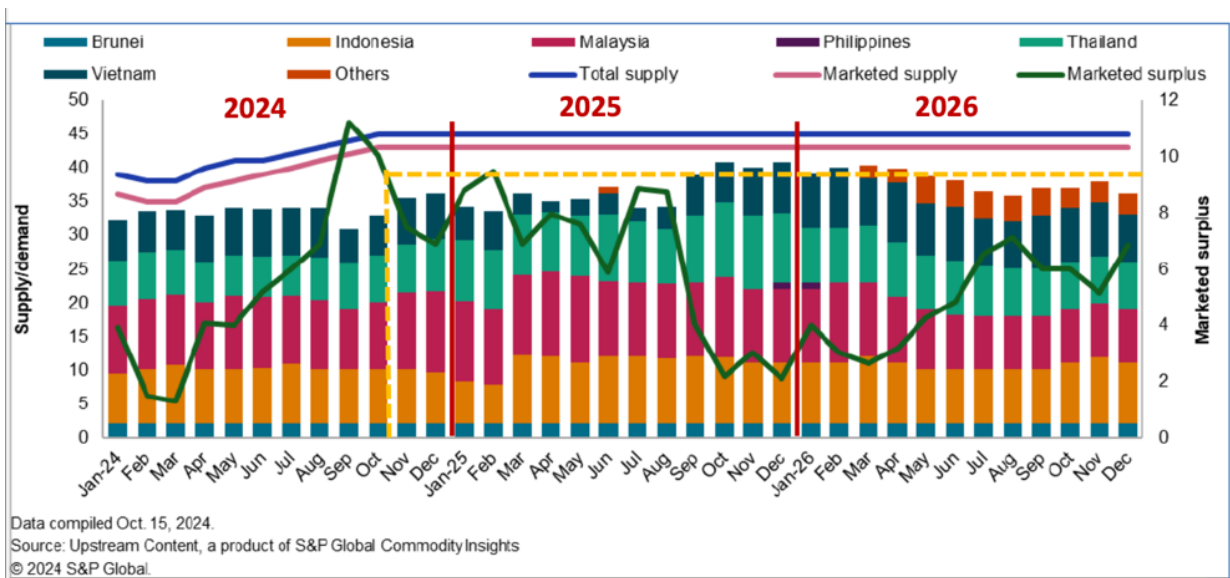
Tại Thái Lan: Northern Gulf Petroleum vẫn đang xem xét một số phương án mua sắm, bao gồm đàm phán trực tiếp hoặc cho thuê lại khi công ty sàng lọc các phản hồi từ khảo sát thị trường giàn tự nâng để khoan 11 giếng tại mỏ Rossukon thuộc Lô G6/48 ở Vịnh Thái Lan vào năm 2025.

Tại Indonesia: Ngoài khơi Indonesia, công ty con của Conrad Petroleum là West Natuna Exploration Ltd đã bắt đầu cuộc đấu thầu chính thức để tìm một giàn nâng để khoan sáu giếng ở Lô Duyung cùng với hai giếng sản xuất tùy chọn trong tổng cộng khoảng 8 tháng, dự kiến khởi công vào quý 2 năm 2026. Trong khi đó, BP cũng đang tìm kiếm một giàn khoan tự nâng để khoan 8 giếng từ 3 giàn trên mỏ Ubadari và mỏ Vorwata ngoài khơi Tây Papua, vào quý 3 năm 2026.

Tại Việt Nam: Ngoài khơi Việt Nam, PVEP POC đang kiểm tra thị trường giàn khoan tự nâng để khoan sáu giếng cộng với ba giếng nổi tiếp trong tổng thời gian ước tính là 345 ngày vào khoảng tháng 10 năm 2026 tại Lô 05.1a. Ngoài ra, công ty Điều hành chung Hoàng Long vừa phát hành khảo sát thị trường giàn tự nâng để khoan tới 9 giếng vào quý 3 năm 2025 tại mỏ Tê Giác Trắng Lô 6-1 cũng như giếng Hoàn Vũ tại mỏ Cá Ngừ Vàng ở Lô 9-2.

Trong bối cảnh số lượng giàn khoan mới được xây dựng tại Đông Nam Á chỉ hạn chế ở mức 2 giàn, những dự án trong khu vực này sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các giàn khoan của PVD ký kết các hợp đồng mới với giá cho thuê cao hơn.

Dự báo thị trường giàn khoan tự nâng Đông Nam Á 2024 - 2026



Nguồn: S&P Global, PSI tổng hợp

3. Triển vọng doanh nghiệp

Kỳ vọng tối đa hiệu suất các giàn khoan. Ở thời điểm hiện tại, ngoại trừ giàn khoan 11 thì các giàn khoan của PVD hiện đã có việc làm đến hết năm 2025. Cụ thể, các giàn Jack-up I, II, III, VI đã có việc làm tới hết 2025 và được các đối tác ngỏ ý ký hợp đồng thuê dài hạn. Gần đây, giàn PVD II đã gia hạn hợp đồng với khách hàng Pertamina, tiếp tục phục vụ chiến dịch khoan dự kiến kéo dài tới hết 2028. Trong khi đó, giàn TAD (PVD V) đang trong hợp đồng khoan dài hạn 6 năm. Theo đó, với tuổi đời trung bình các giàn khoan chỉ ở mức 15 năm, còn khá trẻ so với nhiều giàn khoan khác trên toàn cầu, PVD tạo ra lợi thế cạnh tranh giúp các giàn khoan thu hút được nhiều dự án khoan dầu nội địa và quốc tế trong tương lai.

Việc làm các giàn khoan PVD trong năm 2024

| Giàn khoan | 2024 | | | | | | | | | | | |
|------------------------------|-----------------------|-----|---------------------|-----|-----|---------|---------------------------|-----|-----------------------|-----|-----|-----|
| | Jan | Feb | Mar | Apr | May | Jun | Jul | Aug | Sep | Oct | Nov | Dec |
| PV DRILLING I | Petronas - Malaysia | | | | | | | | | | | |
| PV DRILLING II | Pertamina - Indonesia | | | | | | | | | | | |
| PV DRILLING III | Hibicus - Malaysia | | | | | | | | | | | |
| PV DRILLING VI | Petronas - Malaysia | | | | | | | | | | | |
| Landrig 11 | GBRS - Algeria | | R&M (Algeria) | | | Stacked | | | | | | |
| PV DRILLING V | BSP - Brunei | | | | | | | | | | | |
| HAKURYU-11 (giàn khoan thuê) | | | Idemitsu (Việt Nam) | | | | | | Murphy Oil (Việt Nam) | | | |
| BORR-THOR (giàn khoan thuê) | | | | | | | JOC Hoàng Long (Việt Nam) | | | | | |

Kế hoạch công việc các giàn khoan của PVD 2025 – 2026

| Giàn khoan | 2025F | 2026F |
|-----------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| PV DRILLING I | Petronas - Malaysia | Ký mới |
| PV DRILLING II | Pertamina - Indonesia | Pertamina - Indonesia |
| PV DRILLING III | Pertamina - Indonesia (giá thuê mới) | Pertamina - Indonesia (giá thuê mới) |
| PV DRILLING VI | Petronas - Malaysia | Ký mới |
| PV DRILLING V | BSP - Brunei | |

Nguồn: PVD, PSI tổng hợp

Tiềm năng từ giàn khoan mới. ĐHĐCĐ 2024 đã thông qua kế hoạch vốn đầu tư XDCB 2024, trong đó chủ yếu phân bổ vốn để mua giàn khoan JU đã qua sử dụng trị giá 90 triệu USD. PVD chưa tiến hành đầu tư giàn mới ngay vì các áp lực ngắn hạn trên thị trường khi Saudi Aramco đưa nhiều giàn khoan tự nâng ra thị trường, có thể khiến giảm giá giàn JU. Tuy nhiên, PVD cho biết vẫn sẽ giữ kế hoạch đầu tư vào 1-2 giàn khoan tự nâng trong giai đoạn 2025-2026. PVD cho rằng điều kiện thị trường sẽ khả quan hơn khi lượng giàn khoan dư thừa trên thị trường đạt đỉnh trong tháng 9/2024. Đây là tín hiệu cho thấy sự lạc quan của doanh nghiệp về triển vọng của ngành trong tương lai, chúng tôi ước tính 1 giàn khoan mới có thể đóng góp khoảng 600 tỷ đồng doanh thu hàng năm. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có thông tin mới được công bố, chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi những diễn biến về hoạt động đầu tư của PVD, và sẽ cập nhật trong những báo cáo sắp tới.

PVD kỳ vọng nhu cầu khoan kỳ vọng sẽ tăng và các giàn khoan được đưa ra thị trường bởi Aramco sẽ được hoạt động trở lại, từ đó hỗ trợ cho khả năng phục hồi của giá thuê ngày. Nếu nhu cầu cao trong ngắn hạn, PVD có thể thuê giàn khoan từ thị trường quốc tế, mặc dù mức lợi nhuận từ phân khúc khoan không quá lớn, nhưng có thể hưởng lợi lớn hơn từ các dịch vụ liên quan đến giếng khoan vì giàn khoan sẽ được đặt rất gần căn cứ của PVD.

Dự án đầu tư thượng nguồn trong nước sẽ là nguồn công việc cho PVD trong trung và dài hạn. Chúng tôi cho rằng đại dự án Lô B với nhu cầu vốn đầu tư 10 tỷ USD sẽ được phê duyệt FID (Quyết định đầu tư tài chính) trong thời gian tới, việc khởi động dự án khí Lô B sẽ tác động tích cực đến ngành E&P Việt Nam và thúc đẩy kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

| | Nguồn doanh thu | Tổng doanh thu dự báo | Thời gian | Hưởng lợi |
|--------------|-------------------------------|-----------------------|-------------|----------------------------|
| Thượng nguồn | Phát triển dự án | > 1 tỷ USD | 2024 - 2027 | PVS |
| | Dịch vụ khoan và thăm dò | > 500 triệu USD | 2025 - 2050 | PVD |
| | FSO | Xấp xỉ 300 triệu USD | 2027 - 2050 | PVS |
| | Mảng O&M | 200 - 300 triệu USD | 2027 - 2050 | PVS |
| Trung nguồn | Doanh thu khí, vận chuyển khí | 1 - 1.5 tỷ USD | 2027 - 2050 | GAS |
| Hạ nguồn | Doanh thu từ điện | 28 - 30 tỷ USD | 2027 - 2050 | Dự án Ô Môn I, II, III, IV |

Nguồn: PSI tổng hợp

Cụ thể, PVD sẽ được đảm bảo các chiến dịch khoan dài hạn với giá trị ước tính tối thiểu 500 triệu USD trong thập kỷ tới cho khoảng 900 giếng tại các mỏ khí của dự án Lô B từ cuối năm 2025 cùng với nhiều công việc về dịch vụ giếng khoan. Các hợp đồng trong nước có chi phí vận hành thấp hơn quốc tế nhưng mức giá thuê giàn khoan tự nâng thì tương đương, nên có thể đem lại tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Với chiến dịch khoan dài hạn này, PVD sẽ đảm bảo hiệu suất hoạt động các giàn khoan ở mức cao (khoảng 95%) và có thể giúp công ty gia tăng số lượng giàn khoan.

| Dự án | FY18 | FY19 | FY20 | FY21 | FY22 | FY23 | FY24 | FY25 | FY26 | FY27 |
|-----------------------|--|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Sao Vàng - Đại Nguyệt | <div>EPC + FSO + JUs</div> <div>EPC + FSO</div> <div>EPC + FSO</div> <div>EPC + FSO</div> <div>EPC + FSO + 2 JUs</div> <div>EPC + FSO</div> <div>Ngưng hoạt động</div> | | | | | | | | | |
| Sư tử Trắng 2B | | | | | | | | | | |
| Nam Du - U Minh | | | | | | | | | | |
| Lạc Đà Vàng | | | | | | | | | | |
| Lô B - Ô Môn | | | | | | | | | | |
| Cá voi xanh | | | | | | | | | | |
| Cá Rồng Đỏ | | | | | | | | | | |

Nguồn: PSI tổng hợp

4. Rủi ro

Mặc dù vậy, PVD vẫn sẽ gặp một số thách thức như:

- (i) Dự án Lô B – Ô Môn chậm tiến độ, trì hoãn khâu thăm dò, khai thác;
- (ii) Giá dầu tiếp tục giảm ảnh hưởng tới các dự án dầu khí thế giới và trong khu vực Đông Nam Á.

5. Định giá

Với những tiềm năng từ các dự án thượng nguồn trong Đông Nam Á và Lô B – Ô Môn cùng các dự án khác trong nước khác, chúng tôi dự phóng doanh thu của PVD sẽ đạt lần lượt **7,902 tỷ đồng (+36% YoY)** trong năm 2024 và **8,084 tỷ đồng (+2.3% YoY)** trong năm 2025. Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp kỳ vọng đạt mức **701 tỷ đồng (+29.7% YoY)** trong năm 2024 và **840 tỷ đồng (+19.8% YoY)** trong năm 2025. Sử dụng phương pháp hệ số so sánh và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu PVD ở mức **29,900 đồng/cp**.

| Phương pháp | Tỷ trọng | Giá trị |
|--------------|----------|---------|
| P/B | 40% | 22,480 |
| P/E | 30% | 38,623 |
| FCFF | 30% | 25,516 |
| Giá mục tiêu | | 29,900 |

Dựa trên những luận điểm đầu tư, phân tích rủi ro và các phương pháp định lượng. **Chúng tôi khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 12 tháng là 29,900 đồng/cp, ứng với mức tăng 26.7% so với giá đóng cửa ngày 28/11/2024.**

Báo cáo tài chính

| Kết quả kinh doanh (tỷ VND) | 2023 | 2024F | 2025F |
|---|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần | 5.812 | 7.902 | 8.084 |
| Giá vốn hàng bán | 4.511 | 6.306 | 6.289 |
| Lợi nhuận gộp | 1.301 | 1.596 | 1.795 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 134 | 163 | 170 |
| Chi phí tài chính | 392 | 335 | 339 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 66 | 91 | 93 |
| Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp | 544 | 693 | 698 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 565 | 821 | 1.020 |
| Lợi nhuận khác | 92 | 55 | 30 |
| Lợi nhuận trước thuế | 657 | 876 | 1.050 |
| Lợi nhuận sau thuế | 541 | 701 | 840 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 502 | 648 | 786 |

| Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng) | 2023 | 2024F | 2025F |
|---------------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn | 6,954 | 8,372 | 9,204 |
| Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn | 3,534 | 4,242 | 4,952 |
| Các khoản phải thu | 2,163 | 2,340 | 2,825 |
| Hàng tồn kho | 1,000 | 1,197 | 1,250 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 79 | 109 | 111 |
| Tài sản dài hạn | 14,696 | 15,043 | 15,060 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 104 | 142 | 146 |
| Tài sản cố định | 13,115 | 13,035 | 12,929 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 666 | 757 | 849 |
| Tài sản dài hạn khác | 804 | 1,102 | 1,127 |
| Tổng tài sản | 21,650 | 23,415 | 24,264 |
| Nợ phải trả | 6,756 | 7,723 | 7,654 |
| Nợ ngắn hạn | 3,176 | 4,110 | 4,250 |
| Nợ dài hạn | 3,580 | 3,613 | 3,404 |
| Vốn chủ sở hữu | 14,894 | 15,693 | 16,610 |
| Vốn điều lệ | 5,563 | 5,563 | 5,563 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 2,434 | 2,434 | 2,434 |
| Lợi nhuận giữ lại | 691 | 1,376 | 2,199 |
| Nguồn vốn khác | 5,968 | 6,029 | 6,069 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 237 | 291 | 345 |
| Tổng nguồn vốn | 21,650 | 23,415 | 24,264 |

| Chỉ số chính | 2023 | 2024F | 2025F |
|-----------------------------|-------------|--------------|--------------|
| Định giá | | | |
| EPS (VND) | 902 | 1,165 | 1,413 |
| BVPS (VND) | 26,347 | 27,687 | 29,237 |
| Khả năng sinh lời | | | |
| Biên lợi nhuận gộp | 22.38% | 20.20% | 22.21% |
| Biên EBITDA | 30.36% | 24.18% | 26.16% |
| Biên LNTT | 11.30% | 11.09% | 12.99% |
| ROE | 3.65% | 4.41% | 5.11% |
| ROA | 2.50% | 2.99% | 3.46% |
| Tăng trưởng | | | |
| Lợi nhuận gộp | 125.24% | 22.73% | 12.46% |
| Lợi nhuận sau thuế | 9.30% | 29.68% | 19.83% |
| EPS | - | 29.11% | 21.27% |
| Tổng tài sản | 4.57% | 8.15% | 3.62% |
| VCSH | 5.79% | 5.36% | 5.84% |
| Thanh khoản | | | |
| Thanh toán hiện hành | 2.19 | 2.04 | 2.17 |
| Thanh toán nhanh | 1.85 | 1.72 | 1.85 |
| Nợ/tài sản | 0.15 | 0.13 | 0.12 |
| Nợ/VCSH | 0.22 | 0.19 | 0.17 |
| Khả năng thanh toán lãi vay | 3.62 | 5.92 | 6.72 |



LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi,

Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 6789

Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp.

Vũng Tàu

Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26

Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong,

Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 389 9338

Fax: (84-511) 389 9339

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.